



BẢN TIN THẾ ĐẠO

Thông Tin - Phổ Truyền Giáo Lý Đạo Cao Đài

**Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Báo Ân Từ
Đêm 24 tháng chạp năm Bính Tuất (1946)**

Sự thành tâm cầu nguyện



Sự cầu nguyện có cảm ứng với chánh trị thiêng liêng tức là các Đấng vô hình đều biết rõ mọi sự hành tàng nơi cõi thế, triết lý về hình thể của con người.

Thọ tinh cha huyết mẹ sản xuất ra, thì có sự cảm giác thiêng liêng đôi cùng nhau rất mật thiết, cho nên một người con lúc đi làm ăn xa nhà khi cha mẹ có bệnh hoạn hay xảy ra điều gì tai biến, thì thân thể của người con sẽ có điềm máy động như giựt thịt, máy mắt hoặc là ứng mộng thấy rưng rưng và các điều khác ..v..v.. đó là về phần tinh khí hình thức của con người.

Còn về phần linh tánh thì do nơi Đức Chí Tôn ban cho nhưt điềm lương tâm, nó có cảm giác cùng chí linh, cho nên khi ta hữu sự thì thành tâm cầu nguyện. Nền Đạo là một điều cảm ứng rất mầu nhiệm vô cùng, có câu :

Nhơn tâm sanh nhưt niệm, Thiên Địa tất giai tri.

Từ đây chư chức sắc và chức việc cùng đạo hữu nam nữ gắng thành tâm cầu nguyện cho nền Đạo và cơ Đờì được được an ninh trật tự, kể từ ngày nay cho đến Tân Xuân đầu năm Đinh Hợi thì sẽ thấy sự tiến hóa phi thường và huyền linh mầu nhiệm.

Nếu toàn cả quốc dân mà đủ lòng tín nhiệm với quyền hành chánh trị thiêng liêng, hiệp nhưt tâm cầu nguyện thì cơ loạn lạc sẽ trở nên an ninh trật tự, đờì sẽ được cộng hòa chung hưởng mọi điều hạnh phúc.

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo (quyển 1)

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh Đêm 14 tháng 11 năm Nhâm Thìn (1952)

Năng lực phi thường của Đức Tin

Trước khi giảng Đạo Bản Đạo để lời khen cả toàn thể con cái Đức Chí Tôn hành lễ rất nghiêm chỉnh, như là tụng kinh có niêm luật qui tắc.

Đã mấy kỳ đàn rồi, Bản Đạo không có đi cúng, hôm nay dự lễ này có thể nói làm cho Bản Đạo hết đau. Đêm nay Bản Đạo giảng về năng lực phi thường của đức tin trên con đường chí chơn chí Thánh, chí là khối thương yêu, Bản Đạo đã giảng về đức tin nhiều lần rồi, và cũng đã giảng cái năng lực của khối thương yêu như thế nào rồi. Đêm nay Bản Đạo chỉ giảng về năng lực phi thường của đức tin hay là cái năng lực huyền diệu của đức tin và khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

Chúng ta đã chán biết cũng như Đức Phật Thích Ca khi đạt đặng bí pháp mà trước kia chưa có vị Phật nào đạt đặng là nhờ Ngài đã tìm hiểu quả quyết cái đức tin của Ngài nó mạnh mẽ phi thường và Ngài dùng nó để làm cái thuyết vô nhơn vô quả. Nếu có nhơn quả, thì tức nhiên con người phải chịu trong Tứ Khổ, ấy là vì cái căn quả đó vậy, mà muốn đạt đặng vô sanh vô tử, tức nhiên phải đạt đặng năng lực thương yêu giải thoát cho mình, phải diệt quả.

Ngài đã quả quyết, rồi Ngài ngó lộn lại Vạn Linh sanh chúng đang chìm đắm trong khổ hải, chịu trong Tứ Khổ là “Sanh, Lão, Bệnh, Tử” nên Ngài đem cái thuyết thương yêu vô tận của Ngài truyền bá cho toàn thể nhơn sanh noi theo cái chí chơn chí Thánh ấy, đặng họ đạt bí pháp của họ, có phải đức tin của Ngài mạnh mẽ chăng? Ngài để đức tin trên khối thương yêu của Ngài và Đạo của Ngài đã 2.500 năm mà vẫn còn tồn tại bền vững đến ngày nay.

Đức Lão Tử khi đạt được cơ quan vô đối của Ngài tức nhiên Ngài lấy chí chơn chí Thánh để hiểu trong kiếp sanh của chúng ta và nếu chúng ta có phương thế tương liên với cả chúng sanh trong Càn Khôn Vũ Trụ để làm khối thương yêu duy nhất, chúng ta mới có thể siêu thoát đặng. Chúng ta chớ tưởng sự ấy làm không được, chúng ta sẽ đoạt đặng mà chớ nếu đoạt đặng quyền vô sanh, vô tử thì sẽ đi đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Bởi có cho nên Ngài để cái luật vô tử này cho nhơn loại tìm hiểu mà đạt Đạo.

Cũng như Đức Khổng Phu Tử, Ngài thấy nhơn loại đã phé vong Đạo Nhơn Luân của mình, nên mới tương tàn, tương sát với nhau, như hồi Đông Châu Liệt Quốc buổi nọ, Ngài lấy Đạo Nhơn Luân làm căn bản, đặng cứu Đòi gọi là lấy Đạo Nhơn Luân cứu thế. Cũng như ngày nay, Đức Chí Tôn quả quyết rằng: Cái thuyết ấy nó thuộc về năng lực thương yêu, nên Đức Chí Tôn mới đem tạo nền Chơn giáo của Ngài. Ngài lấy Đạo Nho làm căn bản, lấy Đạo Nhơn Luân của nhơn loại làm phương cứu cánh, để cứu khổ cho loài người, cũng như Đức Lão Tử trước kia đó vậy.

Đức Chí Tôn ngày nay cũng thế, chỉ vì lòng thương yêu nhơn loại vô tận, nên Ngài tìm cách giảng cái thuyết ấy, truyền ra cho cả nhơn sanh đều hưởng ứng theo, để họ biết cái sanh tử của họ, đặng họ tự giác, đó là phương cứu thế vậy. Tương cả chúng sanh Chứ Sắc trong hàng Thánh Thể Đức

Chí Tôn nam, nữ cũng biết cái đức tin ấy là ngọn đuốc Thiêng Liêng, còn lòng thương yêu của ta là khối lửa Tam Muội để đốt cây đuốc ấy cho sáng láng, cho rực rỡ, đăng diu đường cho Vạn Linh sanh chúng. Chúng ta đã ngó thấy cái quyền năng ấy trong một đại gia đình nên hừ đều ngó theo ngọn đuốc Thiêng Liêng đó, đăng đi đến con đường vinh quang vô đối của Đức Chí Tôn đã rọi sáng, đã dành để cho chúng ta hồi ban sơ. Bàn Đạo nói quả quyết mỗi sự khó khăn gay trở, mọi sự khổ hạnh, mà Thánh Thể Đức Chí Tôn đã chịu mà có thể thắng được mọi trở lực là nhờ khối thương yêu của Đức Chí Tôn đã dành để cho chúng ta, nếu chúng ta lấy khối thương yêu cứng rắn ấy làm căn bản, thì không có quyền năng nào dưới thế gian này làm cho khối ấy lay chuyển, tiêu diệt được.

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo (Quyển 5)

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo tại Đền Thánh Ngày 15 /12 năm Nhâm Thìn (1952)

**Lược giải về Ngũ Chi Đại Đạo:
Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo & Nhơn Đạo**

Đức SHIDARTA (Cakya Mouni) nghĩa là người ở xứ Cakya, lấy lòng nhân bao trùm thiên hạ, tầm thêm đăng chơn lý sanh khổ, mà lập thành Phật Giáo, nên dùng đoạn trái oan trừ nghiệt chướng, đăng làm phương giải thoát luân hồi. Ấy là giữa chốn khổ não đau thương, Ngài lại đem tánh từ bi tự tại ra chuyên chế lòng phàm, cầu sanh chúng tương thân tương ái, thật chẳng khác nào đã khổ nơi ô trược nhớp nhơ mà Ngài đến rải mùi thơm ngào ngạt. Ngài nhờ Lão, Bình, Tử Khổ, giác minh bốn thiện mới đạt phương cứu khổ loài người.

Đức Lý Lão Đàm (Lão Tử) là Thái Thượng Lão Quân, vì lòng nhân phổ độ thế gian nên tìm đăng chơn lý tinh thần vi chủ, trừ khử phương dĩ vật lụy hình, định tự chủ kỳ tâm là diệu pháp, lại lấy phép an nhân làm cơ thoát tục. Ấy đời là cảnh sầu thảm khó khăn, mà Ngài đến bày phép chơi hay cho giải trí, chẳng khác nào Ngài là người đương ngậm đắng trên cay, Ngài cho nếm mùi ngon vị ngọt. Ngài nhờ quyền vật dục trong trường công danh phú quý của lục quốc phân tranh, tạo ác đã vô ngần, nó thức minh “bốn thiện” của Ngài, nên Ngài ái dân sanh, mới truyền phương thoát khổ.

Đức Chúa Jésus de Nazareth (gọi là Christ) bởi lòng nhân cứu thế lập nên Thánh Giáo Gia Tô, Ngài mượn bác ái nhân sanh, đăng thay mặt Chí Tôn khai hóa, xem phổ tế chúng sanh rằng trọng, nên chuyên lo giúp khó trợ nghèo, đỡ kẻ dữ, dạy người ngu, ngó chân thật mạng sanh hành thiện Đạo, diệt dị đoan, trừ mê tín, dụng chân lý để răn đời, nhìn lương tâm là hình ảnh của Trời, lấy trí tuệ vẽ tươi Thiên Cảnh. Ngày hằng dạy rằng: Cái khổ của thế gian là sự nghiệp của con người, phải thọ khổ mới rõ cơ thoát tục. Ấy là đời đang giả dối mà Ngài đem chân thật đăng khử trừ, chẳng khác nào vào chốn náo nhiệt dữ dằn mà Ngài đờn tiếng thanh tao hòa nhã:

1/- Ngài nhờ Đạo luật của Môi-sen (Moise), thế kỷ ấy quyền hành biến đổi nên sanh nhiều chi Tả Đạo Bàn Môn, lại thế lực của (Cai phe) về bên mặt phần hồn rất nên mạnh mẽ buộc dân Do Thái (Juifs) nhiều lẽ nên tà. Cả mê tín của dân (Giu Đê) buổi ấy luận không cùng.

2/- Quyền luật đời nước La Mã (Rome) của César nghiêm khắc khốc hại sinh linh đồ tể. Những nguyên ủy khai minh “Bổn thiện” của Ngài làm cho Ngài phải cam tâm gánh vác cả sự đau đớn của loài người, cũng bởi ái truyệt thương sanh chịu tử tội đặng truyền gương thọ khổ.

Khuông Thái Công gọi là (Thái Công Vọng) hay là Khuông Tử Nha vâng lệnh Đức Ngươn Thi Thiên Tôn ở Côn Lôn Sơn lấy Phong Thần Bảng đến giúp nghiệp Châu, cũng vì nhơn sanh mà khai minh chơn lý của quyền hành thưởng phạt thiêng liêng giúp thế trị đặng thêm mỹ mãn, tôn sùng trung liệt, trừ khử nịnh tà, mượn tinh thần làm nhuệ khí đặng trừ tan ác nghiệt của xác thân ấy là dụng phép vô hình đặng điều khiển hành tàng mặt thế. Ngài giúp cho thế gian kinh nghiệm đủ có hiển nhiên rằng nạn ác đã đào tạo kiếp sống của con người, chẳng trốn tội khỏi nơi kiếp chết. Phép thưởng phạt thiêng liêng có đủ quyền năng cả xác cùng hồn. Thế thì có trí tuệ của loài người, còn Đạo lại còn Thần minh giám sát.

Triết lý Thần linh nghĩa là: Quyền phép của lương tâm, do đó mà lập thành căn bản và năng lực vận hành hiện tượng của tư tưởng cùng bổn nguyên Thần pháp đặng nảy sanh. Ôi! Cũng vì cơ quả nhiên thật sự bí pháp này đây mà đời chất chứa nhiều điều mê tín. Tuy vậy, chẳng phải chính mình Ngài làm chủ tạo phép huyền vi bí mật Phong Thần, song Ngài biết từng lệnh thật hành những tư tưởng cao thượng của Đức Ngươn Thi Thiên Tôn, thì công ấy cũng đủ làm đầu Thần giáo. Đời khi ấy dường như đang bị phát bối ung thư, chịu đau đớn sâu than chẳng xiết, mà Ngài lãnh đặng hoàn thuốc linh đơn thoa cho đặng lành lẽ tốt tươi mặt thế. Ngài nhờ thấy bạo tàn Thương Trụ và thương đạo nghĩa của nhà Châu vua Văn Vương và Võ Vương dục khai “bổn thiện” nên tuổi dầu cao, tác dầu lớn, mà dám chịu nhọc nhằn khổ cực giúp đạo đức, khử bạo tàn, thấu cơ nghiệp Thành Thang, cứu dân đen trong nước lửa, tuy đôi bên Thương, Châu khác giá mà đối với lực trung can trí dũng, vị quốc vong xu, Ngài vẫn giữ dạ vô tư trong Thần vị, chỉ ngó mặt công phong tước phẩm.

Đức Khổng Phu Tử tự là Trọng Ni, cũng vì nhơn thấy đặng hung bạo của Đời nên lo trừ hoạch phương châm giảm ác, mới đặt đặng triết lý chí thiện là cơ quan bảo thế, Ngài đặc thông nên tự nhiên biết rằng cơ tạo nghĩa là Trời Đất và vạn vật hữu hình, phải tấn hoá lần lần cho tận con đường chí thiện. Người thì tận thiện, vật thì tận mỹ gọi là Đạo. Ngài chinh chiếu theo sự tự nhiên hành động tâm lý của người đời đặng làm chuẩn thẳng đoán xét, ngoài phép an tâm luyện tánh, Ngài không nhìn phương pháp nào tự giác đặng “bổn thiện” và kèm chế lấy điểm lương tâm, nên không chịu tin theo lý thuyết mị thuật huyền vi mà trí khôn ngoan của người không thấu đáo. Ngài đã thấy phép trị thế, dầu cho dân sanh phản kháng thế nào, cũng tùy theo một chủ quyền chính thể, hoặc do nơi đông tay xúm nhau đào tạo hay là do ở một người đã đặng mạng Trời làm chúa Đời, cầm luật pháp trị bá tánh. Ngài cho chánh trị hành tàng, của xác thịt thế nào thì chánh trị tinh thần cũng vậy, nên nhìn nhận rằng trên các chủ quyền trị thế, có quyền vô vi của Đấng Chí Tôn, Ngài gọi là Nhứt Đại nên viết Thiên (天) nắm trong phép thiêng liêng thưởng phạt, Đấng Chí Tôn ấy chẳng phải có quyền năng về phần hồn mà thôi, lại cũng đặng oai linh phân xác, lý thuyết Trời và Người đồng trị nảy sanh ra trí đó. Cơ nghiệp Văn Vương qua đến Đông Châu là cùng vận, mà Ngài cố quyết duy trì, mong lòng hiệp quốc đem luật đặng trị bình, lấy nghĩa nhân đặng khử bạo. Ngài hiểu rõ rằng quyền hành chánh trị chia ra 2 phần:

1/- Sanh hoạt của thi hài.

2/- Biến hóa về tâm lý. Nên Ngài cho luật pháp là cơ quan độc thiện để trị an thiên hạ, còn đạo nhơn

nghĩa đủ thể kèm thúc tánh đức người đời, nên Ngài mới cầm nhiếp chánh nhà Châu để sở vọng chân hưng.

Thương thay một Đấng Chí Thánh như Ngài mà cũng phải chịu bẽ thất vọng, bởi gặp buổi đời quá bạo tàn, nên cây quạt và mảnh mền là đạo nhơn nghĩa của Ngài không đủ thể quạt nồng đắp lạnh, Ngài phải thôi bước về quê, cam phận thiệt thời trọn đời ngồi dạy học. Bài tự thán “Chi Lan” của Ngài ai đọc đến cũng phải rơi châu đổ lệ.

May thay! Qua đến đời Khổng Cấp (Tử Tư) là đích tôn của Ngài dạy đặng một trang môn đệ là Mạnh Tử, rất nên bậc hiền triết nối chí Thánh nhơn, cố mở mang Đại học. Triết lý của Mạnh Tử là tại Minh Đức tại Tân Dân tại chí ư Chí Thiện. Người đi châu lưu nước này qua nước nọ, lấy nhơn nghĩa đặng khuyến khích nhơn tâm, cảm hóa các chư hầu, chinh đốn chế chuyên Vương Đạo. Thật ra các xã hội Á Đông này đã nhờ ảnh hưởng công nghiệp của Người lắm lắm. Đời Đông Châu sôi nổi, giặc giả chiến tranh cả ác hành, sử chép không cùng, mà qua đến đời của Người thì trở lại như xưa, tin dùng “bổn thiện” thật tài chính trị của Ngài rất nên siêu việt. Đức Khổng Phu tử cũng nhờ ác hành Đông Châu Liệt Quốc trong trường chiến đấu đua tranh, giành quyền lợi, mà giáo minh “bổn thiện” của Ngài mới đặc pháp cao thâm, chí thiện.

Những triết lý Thánh Hiền, dầu cổ kim cũng thế, cốt để diu dắt nhơn sanh đi thông thả trên con đường lành cho cùng tận, đặng phục nguyên bổn thiện của mình, các Tôn giáo gọi tên là Đạo. Ngày nào “bổn thiện” đã phát minh, thì cảm hoá chúng sanh rộng thế. Hèn thì làm cho một gia đình thiện hành gia pháp, trọng thì giúp quốc gia xã hội thiện hành quốc chánh. Còn tối đại thì làm cho toàn thiên hạ đặng thiện giao hiệp chung đại đồng.

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo (Quyển 5)

TRONG SỐ NÀY	
1*- “ Sư thành tâm cầu nguyện” Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Báo Ân Từ đêm 24 tháng chạp năm Bính Tuất (1946)	01
2*- “ Năng lực phi thường của Đức Tin” Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm 14 tháng 11 năm Nhâm Thìn (1952)	02
3*- “ Lược giải về Ngũ Chi Đại Đạo . . .” Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh ngày 15 tháng 12 năm Nhâm Thìn (1952)	03
4*- “ Tiểu Linh Quang & Đại Linh Quang” (HT Nguyễn hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm)	06
5*- Vườn Thơ Thế Đạo	12
6*- “ Ý nghĩa Bông Hồng Đỏ & Trắng trong Lễ Vu Lan” (Duy Văn)	14

Tiểu Linh Quang và Đại Linh Quang
HT Nguyễn Hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm

Đạo Cao Đài quan niệm mỗi chúng sanh là một tiểu linh quang từ một đại linh quang mà ra. Đức Chí Tôn nói, “Thầy là các con, các con là Thầy.” Theo thiên ý, chữ “Thầy” không nói về một giáo chủ mà nói về cái bản chất kỳ diệu, cái “linh quang” trong mỗi người và trong vũ trụ. Dù nhỏ như tiểu linh quang hay bao la vô tận như đại linh quang, bản chất kỳ diệu này giống nhau. Cùng một ý, Phật Giáo gọi là tiểu ngã và đại ngã. Tuy nhỏ lớn khác nhau nhưng bản chất của “ngã” đều vi diệu nên mới có câu, “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.” Chúng ta thử tìm hiểu xem “linh quang” hay “ngã” ở đâu, kỳ diệu thế nào và có mang lại hạnh phúc chân thực cho cuộc sống của chúng ta không.

Đi tìm con người thực của mình

Có một lúc nào đó trong cuộc đời, chúng ta cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng, và lạc lõng. Tuy nhiên, nếu chúng ta nhận ra được con người thực của mình, chúng ta sẽ tìm được chỗ nương tựa vững chắc, tìm được lòng tin, và tìm lại niềm vui của cuộc đời.

Khi gặp những khó khăn trong cuộc sống, chúng ta có khuynh hướng tìm sự giúp đỡ từ bên ngoài. Điều đó bình thường. Tuy nhiên, nếu chỉ tin cậy vào sự hỗ trợ ngoại lai mà không nhận ra kho tàng quý báu tự bên trong, chúng ta phạm một sai lầm nghiêm trọng như Ali Hafed.

Ali là chủ một nông trại lớn gồm nhiều vườn cây ăn trái, vô số cánh đồng lúa mạch, trại gia súc, v.v. Ông ta là một người giàu có và sung sướng. Một hôm có một nhà sư ghé thăm. Sau cơm chiều, họ ngồi cạnh lò sưởi chuyện trò. Câu chuyện đưa đẩy tới giá trị kim cương. Nhà sư nói một viên cỡ ngón tay cái có thể mua cả một quận hạt, nếu có cả một mỏ kim cương thì một người có thể giúp con trai mình trở thành vua một xứ.

Đêm đó, Ali thao thức mãi và cảm thấy đau khổ lắm. Anh ta đau khổ không phải vì mất tiền mà vì mình không làm chủ một mỏ kim cương. Hắn đánh thức nhà sư dậy rất sớm và hỏi, “Tôi có thể tìm thấy mỏ kim cương ở đâu?”

“Hãy đi tìm con sông nào chảy ngang qua cát trắng, giữa núi cao. Có thể có kim cương trong vùng cát trắng đó.”

Ali bán nông trại, từ giã vợ con, lên đường đi tìm mỏ kim cương. Hắn đi khắp nơi, từ rặng núi răng, đi vòng quanh xứ Palestine, rồi lang thang vào Âu Châu. Hành trình rất dài, mệt nhọc, và gian khổ. Cuối cùng, Ali đến Tây Ban Nha khi đã cạn hết tiền.

Quá đói và không còn một xu dính túi, Ali thều thào đứng trên bờ vịnh Barcelona, cực kỳ tuyệt vọng,

nhìn chăm chăm vào những lượn sóng đang cuốn vào bờ. Hắn không cưỡng lại được một ý định điên rồ vừa chợt đến trong trí. Sau một lúc, anh ta nhảy ùm xuống sông, và chết chìm!

Ở nhà, người chủ mới của nông trại tình cờ tìm được một “viên đá nhỏ” trong bãi cát trên con suối chảy ngang qua nông trại. Ông ta không biết đó là viên kim cương. Cả tháng sau, nhà sư lại đến. Thấy “viên đá nhỏ” trên bàn, sư vui mừng gọi, “Ali đã về rồi à—ông đã tìm được kim cương?”

Người chủ mới bước ra nói, “Không đâu, Ali chưa về, và đó không phải là kim cương.”

“Thấy kim cương tôi nhận ra ngay mà. Ông đã nhặt nó ở đâu vậy?”

“ Ở bờ suối.”

Họ hấp tấp chạy ra suối. Ôi thôi, họ tìm thấy kim cương khắp nơi. Thì ra đây là cửa ngõ của một mỏ kim cương lớn nhất thế giới: mỏ Golconda!

Tội nghiệp Ali Hafed ! Hắn không biết ngay trong nông trại của mình có một mỏ kim cương cực lớn mà đi tìm ở nơi khác. **Hãy tìm con người thực của mình trong chính mình.**

Nhận ra con người thực

Tìm cơ hội một mình đối diện với thiên nhiên, thí dụ ngồi trên bờ biển ban đêm ngược mặt ngắm sao đầy trời, hoặc đi bộ một mình trong công viên vắng một buổi sáng. Chúng ta sẽ cảm nhận được mình thuộc về một cái gì quý giá hơn, cao siêu hơn, mẫu nhiệm hơn, và ý nghĩa hơn là sáng sủa thức dậy, đi làm, chiều về ăn cơm, xem TV, và trả phiếu nợ?

Chúng ta sẽ nhận ra giá trị thực của mình là một cái gì vượt hơn thân thể vật chất này. Chúng ta sẽ nhận ra mình có một tiềm năng ẩn tàng có thể thay đổi cuộc sống của mình và có thể thay đổi thế giới!

Khi nhận ra con người thực của mình, đa số những buồn phiền, lo sợ của cuộc sống thường nhật sẽ không còn nghĩa lý gì nữa. Chúng ta sẽ nhận ra mình có sẵn một năng lực nội tại có thể giúp đạt được những gì chúng ta mong muốn.

Không nhận ra con người thực của mình, chúng ta giống như một tỉ phú lãng trí lang thang trên đường phố xin từ đồng bạc bố thí. Tỉ phú này không nhớ mình đang có một số tiền khổng lồ trong ngân hàng.

Chúng ta không phải là thân xác này

Khi ai hỏi, “Bạn là ai?”, chúng ta có khuynh hướng trả lời chúng ta tên gì đó, bao nhiêu tuổi, làm nghề gì, chức vụ gì, v.v. Tuy nhiên, đó là những gì chúng ta có chứ không phải đích thực là chúng ta. Vậy con người thực của chúng ta là ai?

Con người thực của chúng ta không phải là thân xác của chúng ta cũng chẳng phải là trí nghĩ của chúng ta như đa số nghĩ.

Các bộ phận trong cơ thể chúng ta hoạt động một cách màu nhiệm. Vài thí dụ: mỗi 15 giây cơ thể con người sản xuất nhiều tế bào hơn dân số nước Mỹ. Có khoảng từ 60,000 tới 100,000 dặm mạch máu trong cơ thể một người. Hệ thống thần kinh con người giúp mọi cơ quan trong người thông tin với nhau, đáp ứng với những gì xảy ra bên ngoài và bên trong cơ thể một người, v.v.

Tuy nhiên, có một thứ trong chúng ta còn màu nhiệm hơn thân xác của mình. Con người thực của chúng ta là **khả năng làm cho các cơ quan trong thân thể chúng ta hoạt động một cách màu nhiệm** như vậy. Khi lọt lòng mẹ, Tạo Hoá đã ban cho mỗi chúng ta một tiềm năng màu nhiệm. “Kinh Tắm Thánh” của Cao Đài nói rõ, “*Con người đứng phẩm tối linh, Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.*”

Chúng ta có thể cảm nhận được thực thể màu nhiệm đó.

Trong đêm vắng khi nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, chúng ta nghe được tiếng chuông. Tuy nhiên nếu không có tiếng chuông, chúng ta có nghe không? Có, chúng ta có nghe! Đó là nhờ khả năng nghe, chúng ta biết là không có tiếng chuông. **Năng lực kỳ diệu phía sau “khả năng nghe” này là con người thực của chúng ta.**

Một tỷ dụ là ánh sáng đèn điện. Khi chúng ta bật công tắc đèn lên, ánh sáng tràn ngập căn phòng. Cái gì tạo ra ánh sáng? Công tắc đèn, dây điện, dàn đèn trên trần nhà, hay các bóng đèn? Hay là cái gọi là “điện” mà chúng ta không nhìn thấy? Đúng vậy, cái làm ra ánh sáng là “điện.” Điện trong tỷ dụ này ví như con người thực của chúng ta.

Chúng ta có hai thực thể gọi là của chúng ta: một thực thể có hình tướng là xác thân và một thực thể không có hình tướng là con người thực của chúng ta. Thân xác của chúng ta—thực thể có hình tướng, trong thí dụ trên—ví như một toàn bộ gồm công tắc, dây điện, dàn đèn, và các bóng đèn. Thực thể không có hình tướng gọi là điện là con người thực của chúng ta. Cái trí của chúng ta suy nghĩ, lý luận, phân tách, phán đoán, v.v. nhưng cái trí đó không phải là chúng ta. **Con người thực của chúng ta là một thực thể vi diệu giúp cho cái trí đó suy nghĩ, lý luận, phân tách, phán đoán, v.v.**

Chúng ta không nhìn thấy được con người thực của mình, nhưng cảm nhận được là mình có.

Hãy để thân xác và tinh thần hoàn toàn thư giãn, không bị chi phối bởi những quấy nhiễu từ tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Nhắm nhẹ hai mắt, và tập trung sự chú ý vào bên trong thân thể. Hãy cảm nhận một năng lực tiềm tàng trong châu thân, một năng lực vượt giới hạn thân thể của mình. Hãy lắng lòng đi sâu vào nội tâm, cảm nhận được sự tĩnh lặng sâu xa, sự bình an tuyệt đối, một sức mạnh cao tột, và một sức sống dồi dào. Đừng suy nghĩ. **Hãy cảm nhận(feel). Cảm nhận một năng lực vô hình, vô biên, sâu thẳm, và không hoại diệt.**

Năng lực đó là một thực thể kỳ diệu, là con người thực của chúng ta.

Cảm nhận bản chất thực của vũ trụ

Mỗi người chúng ta—cũng như mỗi vật trong vũ trụ này—đều có một thực thể kỳ diệu nêu trên. **Từ**

sự nhận định được thực thể kỳ diệu của mình, chúng ta sẽ hình dung được thực thể kỳ diệu chung bao trùm mọi vật trong vũ trụ, gồm cả muôn loài kể cả các vật vô tri như gỗ đá. Đó là một thực thể bao la vô tận, được gọi là Chúa, Phật, Thượng Đế, đấng Allah, đấng Chí Tôn . .

.....



Thực thể đó vượt ngoài định chế mà xã hội gọi là tôn giáo. Đó là Đại Linh Quang, là Đại Ngã. Một học giả về tâm linh học, Deepak Chopra, gọi thực thể huyền diệu và bao la đó là Vùng của Mọi Sáng Tạo. Thiên Tông Phật Giáo gọi thực thể đó là Tự Tánh Thanh Tịnh.

Thực thể bao la kỳ diệu này có các đặc tính như sau:

- luôn **thanh tịnh**: trong sạch, không nhiễm, không nhơ.
- luôn **lặng yên**: vượt thời gian, trong mọi hoàn cảnh, luôn lặng lẽ, an nhiên tịch tịnh.
- **không sinh diệt**: vô vi chân thường, không sinh không diệt.
- **không lay động**: không gì làm chuyển dời được, luôn an nhiên bất động.
- **không là một vật**: rỗng rang như hư không, bao trùm cả vũ trụ mà không dính mắc và không là một vật thể gì cả.
- **thường đầy đủ**: tuy rỗng rang mà hàm chứa bản thể của muôn vật, tùy duyên sáng tạo không thiếu vật nào. Đó là ý nghĩa của câu, “vô trung diệu hữu” tức trong cái không không rỗng lặng lại hàm chứa một cách kỳ diệu.
- **hằng chiếu soi**: trong lặng tròn sáng mà luôn luôn chiếu rõ thấy biết chính xác mọi nguyên lý của vũ trụ vạn vật.
- có **muôn hạnh lành**: tùy duyên ứng hoá muôn điều lành để cứu độ chúng sanh đang đau khổ lầm than.
- linh động **ứng hoá khắp mười phương**: tùy duyên ứng hiện nơi nơi để tạo lợi ích an vui giải thoát.

Cao Đài gọi thực thể kỳ diệu trong mỗi sinh vật là **Tiểu Linh Quang** và thực thể kỳ diệu bao la từ nguồn là **Đại Linh Quang**. Phật Giáo gọi là **Tiểu Ngã** và **Đại Ngã**, v.v. Dù “**ngã**”, hay “**linh quang**” hay “**tự tánh**”, hay “**Vùng của Mọi Sáng Tạo**”, dù tên gọi có khác, thực chất vẫn là một. Tất cả chỉ là hình thức. Chúng ta cần vượt mọi danh xưng, vượt mọi hình thức mà cảm nhận được

ý nghĩa cốt lõi.

Ngoài ra, vì cùng bản chất nên mỗi người đều có tiềm ẩn một quyền năng vi diệu của thực thể kỳ diệu như nói trên. Chúng ta phải nhận ra mình đang có “hạt giống” cực quý của chân thường, chân tịnh, chân ngã, và chân lạc.

Hơn thế, khi một vật trong muôn loài bị hoại diệt hay chết đi, tất cả đều trở về nguồn gốc là Đại Linh Quang, hay Đại Ngã bao la vô tận, là Tự Tánh Thanh Tịnh, hay Vùng của Mọi Sáng Tạo.

Trong “Kinh Khi Đã Chết Rồi” của Cao Đài có câu, “*Quê xưa trở, cõi đoạ từ*” có nghĩa sau khi chết mình sẽ trở lại quê nhà là nơi thiêng liêng hằng sống, là Đại Linh Quang.

Điều đó cũng được tỏ lộ trong hai câu “Kinh Đưa Linh Cữu” của Cao Đài,

Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,

Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.

Khi đã nhận ra con người thực của mình và biết khi mãn phần sẽ “trở lại ngôi xưa” thì mọi lo âu phiền toái hàng ngày của cuộc sống đều trở nên vô nghĩa. Tất cả những buồn phiền trong cuộc sống chỉ tạm bợ và sẽ qua đi. Tất cả những niềm vui của thế gian là niềm vui có điều kiện trong khi “linh quang” có muôn vàn giá trị giá trị vĩnh cửu, và niềm vui nhẹ nhàng chân thực không cần điều kiện. Nhận ra điều đó, chúng ta giống như nhà tử phú lãng trí đã hết lãng trí không còn lo toan xin từng đồng nơi góc phố mà bừng tỉnh trở về biệt thự của mình hưởng thụ số tiền vô tận trong ngân hàng.

Một thí dụ

Eckhart Tolle, người Canada đang sống trong thời đại chúng ta đã nhận ra cái “Ta” chân thực trong chính mình.

Từ nhỏ cho tới tuổi 30, Eckhart Tolle liên tục sống trong bồn chồn với nhiều phen muốn tự kết liễu đời mình. Ông thuật lại có một đêm ông chợt thấy mình trở nên hoàn toàn xa lạ với thế giới bên ngoài. Hình ảnh lơ mờ của bàn ghế trong phòng, tiếng xe lửa chạy ngang qua thành phố, v.v., mọi thứ trở nên khó chịu đến căm ghét. Mọi thứ có vẻ ghê tởm, nhất là cuộc sống của chính mình.

Ông cảm thấy có một thôi thúc mạnh bạo muốn tự tử cho rồi. Ông nói thắm, “Ta không thể sống với chính mình nữa.” Rồi im lặng một lúc. Đột nhiên ông cảm thấy một phát hiện: “Ta là một người hay hai người?” Phải có hai người: cái “Ta” và chính mình tức cái “ta thể xác” mà “Ta” không thể sống chung được.

Và điều quan trọng là chỉ có một cái “ta” là thực!

Ông tiếp tục suy gẫm về cái “Ta” đang quan sát mọi hoạt động của cái “ta” kia, tức thân xác hữu hình. Mặc dù cái “Ta” quan sát là vô hình, ông nhận ra đó là cái ta thực. Nó vô hình, chân thật, không sinh không diệt, có quyền năng vô tận: sáng tạo, tổ chức, nhận biết chính xác, v.v. Nó vượt khỏi những phiền toái của thế gian tạm bợ. Nó kỳ diệu vô cùng! Ông đã khám phá ra con người thực của mình!

Hai năm liền sau đó, ông sống trên các ghế đá của công viên. Mặc dù không còn gì cả trên thế giới vật chất này—không gia đình, không việc làm, không địa vị xã hội, không nhà cửa—nhưng ông ngập lặn trong một niềm vui vô hạn chỉ vì ông nhận ra mình, đã tìm ra chính mình.

Ông đi thuyết giảng khắp nơi trên thế giới và viết cuốn sách, “*Sức mạnh của hiện tại*” (The Power of Now), giúp cho hàng triệu người tìm được niềm vui thật sự.

Eckhart Tolle đã tìm ra kho báu của mình và giúp hàng triệu người tìm ra kho báu của họ.

HT Nguyễn Hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm

Ban Biên Tập: Thành thật cảm ơn những bài viết về tôn giáo của Hiền Huynh HT Nguyễn Hữu Nghiệp và Hiền Tỷ Nguyễn Dương Sâm. Nhân dịp này chúng tôi xin giới thiệu quý đọc giả và thân hữu Bản Tin Thế Đạo và Tập San Thế Đạo HT Nguyễn Hữu Nghiệp, Tiến Sĩ Kinh Tế Hoa Kỳ, Cựu Giáo Sư Middle Tennessee State University.

Chân thành cảm ơn sự cộng tác của Hiền Huynh HT Nguyễn Hữu Nghiệp và Hiền Tỷ Nguyễn Dương Sâm.

Trân trọng

NGÔI VỊ ĐỨC CHÍ TÔN

*- Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một chơn thần mà biến càn khôn thế giới và cả nhơn loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. - (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Quyển 1))

*- Thầy khai Bát Quái mà tác thành càn khôn thế giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tạng. Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tạng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy. - (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Quyển 1))

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YỀM TRỢ
Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo
www.banthedao.net
www.banthedaohaingoai.org
Liên lạc email:
banthedao@googlegroups.com

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



Bồ Tát Địa Tạng Vương



Bồ Tát Mộc Kiến Liên

I.- ĐẠI LỄ VU LAN

Năm nay báo hiếu Lễ Vu Lan
Xá tội vong nhân đọa kiếp ngàn
Sự tích Đạo, Đồi huyền diệu pháp
Kiền Liên cứu mẹ nguyện tâm tràng
Dụng tu tạo nghiệp luôn chông chất
Đại Đạo Kỳ Ba giải tội mang
Công đức thành tâm vong cứu độ
Chơn Linh quỳn thuộc được thăng an...

Yên Hà

7/8/2021

Họa 1: Đại Lễ Trung Nguơn

Trung Nguơn tháng bảy tiết Vu Lan,
Gương hiếu Kiều Liên trải ngút ngàn.
Vạn dặm trường đồ cầu đại chúng;
Năm trăm Đại đức thiết đàn tràng.
Xưa ơn Phật Tổ bày siêu rỗi,
Nay nghĩa Chí Tôn xá nghiệp mang.
Phước kiếp may duyên vào cửa Đạo,
Tu hành đắc quả Cửu Huyền an.

Hoàn Nguyên

San Jose 07-8-2021

Họa 2: Trung Nguơn Tháng Bảy

Trung Nguơn tháng Bảy Lễ Vu Lan
Đại xá vong linh tội ngút ngàn
Ứng báo, Kiền Liên con nhớ mẹ!
Động tâm khấn nguyện báo ân tràng
Trọn tin, tu luyện luôn hồi chứng
Lập đức bồi công giải ách mang
Đại Đạo Kỳ Ba Thầy chỉ dạy
Hành tàng Tam Lập được kang an

Yên Hà

9/8/2021

Họa 3: Nguyện Cầu Rằm Trung Nguơn

Gương hiền Hiếu Nghĩa tựa chi lan,
Lễ trọng Trung nguơn quý giá ngàn.
Khẩn đáo Cửu Huyền ơn đại xá;
Nguyện cầu Phật Mẫu chứng đàn tràng.¹
Thiên tai dịch bệnh mau thuyên giảm,
Địa ách phàm tâm sớm dứt mang.
Tỉnh thức loài người con một gốc,
Thương yêu công chánh thể nhân an.

Duy Hòa (Aug 9th 2021)

1- Đức Hộ Pháp dạy khi gặp thống khổ muốn cầu khẩn thì xin Đức Phật Mẫu.

Họa 4: Đại Lễ Rằm Trung Nguơn

Đại hiếu Kiền Liên dậy tiếng lan
Trung Nguơn đô hội tới non ngàn
Bông hồng cài áo dâng hoa quả
Từ mẫu hành hương cúng Đạo Tràng
Phật Tổ Như Lai, cầu cứu rồi
Chí Tôn Sư Phụ dạy cơ mang
Chúng sanh ba cõi Thiên Môn học
Thất Tổ Cửu Huyền hưởng phúc an

Mai Xuân Thanh

August 09, 2021

II.-SINH THÀNH DƯỠNG DỤC

Sinh thành dưỡng dục mẫu tình thâm
Báo hiếu hôm nay... đã trở rồi
Chiếc bóng thời gian luôn vận chuyển
Dòng đời đều đặn chẳng ngừng trôi
Bông hồng tươi thắm tình yêu mẹ

Hoa ngát hương thơm dịu suốt đời
Tháng bảy Vu Lan mùa báo đáp
Làm con ghi nhớ mẹ .. buồn rơi...

Yên Hà (10/8/2021)

Họa Vận: Xá Tội Vong Nhân Rằm Tháng Bảy

Cúc dục cù lao thật thậm thâm
Học hoài chữ “Hiếu” kéo quên rồi
Một mình khổ hạnh luân hồi chuyển
Vạn Pháp quần Tăng nhật, nguyệt trôi
Cứu mẹ “Thanh Đề” sa Địa phủ
Đọc kinh tăng chúng độ muôn đời
Vu Lan tháng bảy Rằm cầu nguyện
Xá tội vong nhân xấu số rơi...

Mai Xuân Thanh (Aug 10, 2021)



THÔNG BÁO PHÁT HÀNH SÁCH

Ban Thế Đạo Hải Ngoại trân trọng thông báo quý HTĐM và thân hữu:

Vào tháng 6-2016 Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã phát hành lần thứ nhất tại hải ngoại “Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948” Quyển 2.

Vào tháng 3-2017 Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã phát hành lần thứ nhất tại hải ngoại “Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1946-1947” Quyển 1.

Nay vào tháng 10-2021 Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ phát hành “**Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp Quyển 3 (năm 1949-1950)**” & “**Lời Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Quyển 4 (năm 1951)**” trong cùng một quyển sách theo chương trình in Kinh Sách của Ban Thế Đạo Hải Ngoại. Do đó Tập San Thế Đạo số 86 sẽ không được phát hành trong tháng 10-2021 này và sẽ được tiếp tục phát hành vào tháng 1-2022.

Trân trọng kính thông báo cùng quý HTĐM và thân hữu.

Trân trọng

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Ý NGHĨA BÔNG HỒNG ĐỎ VÀ TRẮNG TRONG LỄ VU LAN (Duy Văn)



Ngày Lễ Vu Lan thường được các chùa Phật giáo tổ chức vào ngày rằm tháng 7 Âm lịch. Tuy nhiên cũng có một số chùa Phật tổ chức trước đó một vài ngày bởi tùy thuộc vào số Phật tử tham dự. Vào ngày này, các nhà sư giảng đạo dạy về ý nghĩa của Lễ Vu Lan và đạo hiếu của con cái đối với các đấng sinh thành. Những người còn cha mẹ sẽ được cài một bông hồng đỏ hoặc hồng trên ngực áo, những người không còn cha mẹ thì được cài một bông hồng trắng. Rồi cùng nhau thắp nến tri ân cha mẹ, tụng kinh cầu siêu cho những người thân yêu đã khuất. Trước đó ngay từ đầu tháng những người còn cha mẹ ăn chay nguyên tháng để cầu nguyện sức khỏe an lạc cho đấng sinh thành. Còn những người có cha mẹ quá vắng thì cầu mong cho cha mẹ được siêu thăng tịnh độ.

Được biết phong tục cài hoa hồng đỏ, hoa hồng trắng vào dịp Vu Lan do thiền sư Thích Nhất Hạnh khởi xướng vào thập niên 60 của thế kỷ trước để tăng thêm ý nghĩa văn hóa cho lễ hội này, nhất là để con cái nhớ về cha mẹ mình, dù cha mẹ còn hay mất.



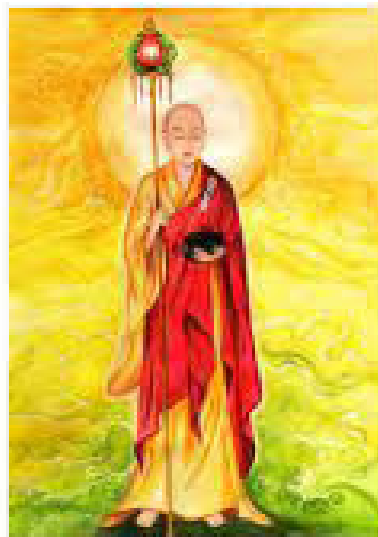
Nhân nói về ý nghĩa của việc cài bông hồng đỏ hay trắng lên trên ngực áo chúng ta cũng cần nên biết sơ qua về Lễ Vu Lan.

Lễ Vu lan là một lễ hội truyền thống của Phật giáo Bắc truyền. Xuất phát từ kinh Vu Lan Bồn nói đến Bồ Tát Mục Kiền Liên vì lòng hiếu đạo đi vào địa ngục cứu mẹ, nhưng không thành công vì

ngiệp tham của bà quá nhiều.



Bồ Tát Địa Tạng Vương



Bồ Tát Mục Kiền Liên

Theo đó, Mục Kiền Liên là một trong mười đại đệ tử của Phật, được Phật Thích Ca khen ngợi” thần thông đệ nhất” trong hàng đệ tử, có mẹ là bà Thanh Đề, không tin Phật, phỉ báng Phật giáo.

Có câu chuyện nói rằng bà Thanh Đề làm bánh bao nhân thịt chó mời các vị sư ăn, khi các vị sư ăn xong phạm vào điều cấm của nhà Phật, nhưng bà Thanh Đề là người mang tội. Lại có chuyện khác nữa là bao nhiêu tiền con đem về bà Thanh Đề phụng dưỡng, nhưng nói dối là cúng chùa.

Khi chết đi bà Thanh Đề biến thành con ma đói, bụng to như cái bồn, nhưng miệng thì rất nhỏ nên bụng đói nhưng không ăn được. Mục Kiền Liên dùng mắt thần nhìn thấy mẹ ở dưới địa ngục như vậy nên đã xuống dâng mẹ một chén cơm, nhưng khi cầm chén cơm thì chén cơm biến thành lửa.

Mục Kiền Liên quay về tìm Phật để hỏi cách cứu mẹ, Phật nói rằng vì mẹ của Mục Kiền Liên tạo nghiệp quá nặng nên chỉ có cách nhờ hợp lực của chư tăng khắp mười phương mới mong giải cứu được. Ngày rằm tháng bảy là ngày thích hợp để vận động chư tăng, hãy sắm sửa lễ cúng vào ngày đó.

Làm theo lời Phật, mẹ của Mục Kiền Liên đã được giải thoát. Phật cũng dạy rằng chúng sanh ai muốn báo hiếu cho cha mẹ cũng theo cách này (Vu Lan Bồn Pháp).

Từ đó ngày Lễ Vu Lan ra đời. Vào dịp tháng bảy âm lịch hằng năm, các Phật tử cúng dường trai tăng, dâng phẩm vật lên Tam bảo để cầu nguyện cho ông bà, cha mẹ được siêu thoát. Đó là một hình thức để báo hiếu cho những người thân đã mất trong gia đình.

TRÁI TIM CAO CẢ

Nhân mùa Vu Lan con tưởng nhớ công đức của Mẹ.

Nói làm sao hết mẹ hiền ơi!

Công đức cù lao lẫn dưỡng nuôi

Chẳng quản thân, ngày đêm lặn lội

Cho đàn con, được ấm no thôi

Mặc dù họ hàng nhà tôi có nhiều người đã chết trong cuộc chiến tranh Quốc– Cộng hoặc vì nhiều lý do khác mà Tôi đã chứng kiến thân xác của họ khi mai táng không còn nguyên vẹn. Có người khi chết chỉ còn những miếng thịt vụn trộn lẫn máu và đất cùng với màu khói hung thuốc nổ của mình. Có người khi gia đình nhận xác chôn cất chỉ có thân không có đầu, bởi chiếc đầu đã để lại một góc nào trên chiến trường, không thể tìm thấy sau một trận đánh sập lá cà với vũ khí chỉ toàn là mã tấu và mìn claymore. Cũng có những người chết trên giường bệnh sau cơn bệnh hành hạ thân xác đau đớn hơn 10 năm... Nhưng thú thật, tôi ít khi có những cú sốc như lần mẹ tôi qua đời.

Mẹ tôi mất khi tôi vừa đến tuổi 40, cái tuổi có cuộc sống ngoài xã hội tương đối chững chạc về mọi mặt (theo quan niệm của đa số người lớn tuổi) và tôi cũng đã cảm thấy điều đó đúng phần nào qua cá nhân tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn bất lực trước một tình huống biệt ly có tính thiêng liêng đặc biệt này, và đã tưởng rằng mình sẽ chẳng bao giờ vượt qua nỗi cú sốc ấy. Tôi vẫn biết “Sinh, Lão, Bệnh, Tử” đó là định luật của tạo hóa, nhưng tâm hồn tôi không thể lặng yên và khó chấp nhận định luật này khi nghĩ đến cái chết của mẹ tôi. Con đau về tinh thần đã hành hạ người tôi suốt nhiều năm.



Khi mẹ tôi lâm bệnh, anh em chúng tôi chạy chữa cho mẹ dưới mọi hình thức: thuốc Tây, thuốc Tàu và ngay cả thuốc Nam cũng dùng vào việc chữa trị, nhưng bệnh không thuyên giảm. Đến một ngày phải đưa mẹ vào bệnh viện chữa trị. Tôi được các anh chị tôi ủy thác thường trực trong bệnh viện săn sóc cho mẹ. Sở dĩ tôi được làm nhiệm vụ này vì tôi là kẻ vô gia cư, không một “đồng ten dính túi” trong thời gian mẹ tôi bệnh. Tôi đã không làm gì cả suốt một thời gian dài trong thời gian bị chính quyền cộng sản quản chế, sau khi ra khỏi tù cải tạo được vài tháng. Các anh chị thì có điều kiện hơn tôi nên phải ở bên ngoài để kiếm tiền trang trải viện phí. Mỗi ngày y tá đến giường bệnh của mẹ tôi thay tấm trải giường, theo dõi nhiệt độ và đặt kim chích trên người của mẹ rút ra từng ống nước màu vàng hôi tanh khó ngửi, những ống nước vàng được bọc kín lại sau khi hút xong và để vào một khay riêng biệt rồi đem đi một nơi vệ sinh kín đáo. Tôi hỏi người y tá về bệnh trạng của mẹ, nhưng người y tá phục vụ không

giải đáp rõ ràng, và bảo tôi nên hỏi bác sĩ điều trị. Gặp bác sĩ điều trị cho mẹ tôi trong một quán nước ngoài khuôn viên bệnh viện. Bác sĩ vẫn không cho tôi tìm hiểu thêm về bệnh trạng của mẹ tôi, ông chỉ nói sẽ cố gắng điều trị cho mẹ, sau khi tôi “đúi” vào tay của ông năm trăm ngàn đồng tiền của chế độ cộng sản.

Sau lần gặp bác sĩ, tình trạng săn sóc trở nên khá hơn, nhưng bệnh của người thì không khá. Con

bệnh bắt đầu tăng tốc làm đau cả thân thể của người. Mẹ không còn ngủ được, trần trọc và lẫn lộn suốt đêm. Tôi phải thoa dầu nóng, đâm bóp cho người để giảm phần nào cơn đau nhức, nhưng cơn đau không chịu khuất phục dưới đôi tay chưa lần nào trả hiếu cho mẹ như tôi, nên cơn đau không sợ và vẫn chủ động tấn công người đến rên xiết.

Một ngày nọ, nhiều đàn chim lạ không biết từ đâu bay về, đậu đầy trên những cây cao su già cỗi còn sót lại sau một đợt triệt hạ gỗ để đun lò của ban giám đốc bệnh viện. Trong khu cách ly (khoa truyền nhiễm) của bệnh viện thỉnh thoảng có những con chim quạ đen, đi đi lại lại trên cành của một cây cao su khô gần bên phòng mẹ tôi nằm kêu những tiếng ghê rợn, hòa cùng tiếng kêu hỗn hợp của nhiều giống chim khác xung quanh, tạo nên một âm thanh quái đản như tiếng gọi của quỷ dọa sa đang từ âm phủ trời lên dương gian để bắt hồn người trong những phim ma kinh dị.

Mẹ tôi chết sau động tác rút nước trong buồng phổi lần thứ 30 của người y tá, khi chết thân thể của mẹ tôi trở nên khô đét da xanh như màu đợt chuối sứ non, khi mẹ còn sống trông quanh nhà.

Tôi không thể nào hiểu nổi căn bệnh của mẹ, bác sĩ điều trị thì nói rằng đó là một dạng ung thư phổi. Chứng bệnh này thuộc vào loại nan y vì số nước trong buồng phổi tạo ra rất nhanh, trong vòng vài ba tiếng đồng hồ nước vàng có từ những nan phế quản tiết ra đầy lấp cả buồng phổi và tràn sang đè nặng lên tim sẽ làm cho bệnh nhân khó thở đưa đến tử vong vì tim ngưng đập. Trái lại khi hút nước vàng mà không chừa lại chút ít trong cơ phổi, hai buồng phổi khô sạch, nhưng lại dính sát vào nhau làm cho người bệnh dễ chết ngộp.



Hình người Mẹ lúc 70 tuổi



Hình người Mẹ lúc 81 tuổi

Đám ma mẹ tôi được tổ chức theo lễ nghi tôn giáo Cao Đài. Theo luật của Đạo, người tín đồ Cao Đài Giáo, nếu khi còn sinh thời ăn chay đủ 10 ngày trong tháng khi qui liễu được thọ truyền bửu pháp, tức là các phép bí tích độ hồn trong cơ tận độ của Chí Tôn, nếu ăn chay 6 ngày trong một tháng thì không hưởng được những điều này và tang lễ chỉ làm bật tiến mà thôi (Làm bật tiến là làm lễ dâng lên các đấng Thiêng liêng xin cứu giúp vong hồn cho được siêu thăng). Mẹ tôi vì không

phải là một tín đồ thường, khi còn tại thế người tu tập với chức năng như là một chức sắc trong Cơ Quan Phước Thiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nên khi chết được nghi tiết tang lễ vào hàng Nhơn Thần, người được làm các phép bí tích như: phép xác, phép đoạn căn, phép độ thẳng, được hành lễ tế điện có bài thái, được làm tuần cửu, Tiểu Tường, Đại Tường, được tụng kinh cầu hồn khi hấp hối, kinh khi đã chết rồi, tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất được động 9 tiếng chuông... Và mọi chi phí chôn cất đều do đồng đạo cùng với Hội Thánh lo liệu, mà tang quyến không phải tốn một khoảng tiền nào.

Đối với một lễ tang lớn với đông đảo người thăm viếng như vậy thật là hiếm có cho một đời người, nhưng riêng tôi luôn cảm thấy thiếu vắng. Sự thiếu vắng phát xuất từ tâm linh của một người con mất mẹ. Từ nay tôi sẽ không còn thấy hình hài mẹ tôi trên cõi trần gian. Tôi không còn thấy người tươi cười mỗi khi thấy tôi từ Sài Gòn về thăm trong những ngày xuân hay những dịp Lễ Vu Lan. Tôi cũng sẽ không còn thấy được hình dáng của người với chiếc áo dài trắng quì rước bàn thờ Đức Chí Tôn đọc kinh cầu nguyện cho bá tánh và nhân loại được bình yên, cầu cho chiến tranh Việt Nam sớm chấm dứt, cầu nguyện cho những đứa con của mẹ đang chiến đấu gìn giữ an ninh và tự do cho đất nước, và tôi cũng không bao giờ còn thấy hình dáng của người gồng gánh những gánh thực phẩm lặn lội nhiều ngày đêm đến rừng sâu để thăm tôi trong trại tù cải tạo. Mẹ ơi! Giờ này mẹ ở nơi đâu? Mẹ có biết rằng con thương mẹ lắm không?

Trong nỗi bức xúc mắt mát, tôi đã viết thành thơ để tưởng nhớ đến người. Trong số bài viết tôi nhớ man máng như vậy:

Con cúi xuống hôn lên lần cuối
Mảnh hình hài người tạo ra con
Thân buốt lạnh như là băng giá
Mẹ mất rồi, mẹ đã đi xa.

Bông nước mắt nhòa lên trông khóe
Rớt dài lên mặt mẹ xanh xao
Chuỗi thương đau như gào xé tế bào
Lòng thương mẹ dâng trào vô kể.

Con còn lại tâm hồn hoang phế
Kỷ niệm về năm tháng xa xôi
Nhớ những năm lặn suối trèo đồi
Nuôi con trẻ ngược xuôi tù tội.

Trước quan tài, con rã rời quì gối
Nhớ mẹ hiền những nỗi băng khuâng
Nhiều đêm khuya con đã khóc thầm

Vì thế cuộc nên không gần mẹ.

Con cúi mặt âm thầm lặng lẽ

Đêm tràn về chạnh nhớ niềm riêng

Di ảnh còn đây mà mẹ ly phương

Mang thương nhớ con thường nhắc nhở.

Cúi lạy mẹ, con về, mẹ ở

Nắm đất gầy muôn thuở mẹ nằm

Vói trăng thanh, đồng nội sơn lâm

Cho hồn mẹ cõi âm thanh thoát....

Suốt nhiều năm tôi thật sự như chiếc bàn không có chân tinh thần suy sụp như không định hướng, khi tôi nghĩ về người. Tôi nhớ những hình ảnh của người mặc chiếc áo bà ba trắng gắn tay vào những ngày hè nóng bức, đến trường tiểu học đón tôi sau giờ tan trường, nhớ những lần người đỡ cho tôi những đường roi từ ba tôi đánh vì tội trốn học, những năm tôi học thi lấy bằng tốt nghiệp trung học, người lui cui dưới nhà bếp nấu và bung cho tôi từng tô cháo ăn khuya...

Nói làm sao hết mẹ hiền ơi!

Công đức cù lao lần dưỡng nuôi

Chẳng quản thân, ngày đêm lặn lội

Cho đàn con, được ấm no thôi

Mẹ đã vì đời vì các con

Tình thương mẹ rưới khắp nước non

Không phân nghèo khó hay già trẻ

Dù bỏ xác thân tình vẫn còn

Mẹ là Bắc Đẩu giữa trời đêm

Soi sáng nhân gian khắp mọi miền

Vươn gương bác ái lần tay đuốc

Dẫn lối tình thương đến cõi thiên

Thế rồi thời gian trôi qua như là một liều thuốc kỳ diệu, dần dần những u buồn, nỗi đau trong tôi đã nguôi ngoai bớt phần nào. Tôi cảm thấy phấn khích trước sự hồi sinh kỳ diệu của thiên nhiên khi ngày xuân hay mùa Vu Lan **đến**.

Sau những lần giỗ, tôi thường đến nghĩa trang thăm mẹ. Tôi chăm sóc trang trí hoa và quét vôi, sơn trên mộ mẹ khiến tôi vui bớt những kỷ niệm đau buồn. Nhiều năm sau, tôi không còn có dịp thăm

mộ mẹ nữa. Tôi bị chính quyền cộng sản chuyển đi “vùng kinh tế mới”. Các anh chị của tôi cũng bị chuyển đến những vùng xa xôi khác. Chúng tôi chỉ gặp nhau vào những dịp giỗ lễ, đặc biệt là ngày lễ Thanh Minh tảo mộ trong dịp xuân về hoặc ngày rằm tháng bảy Vu Lan. Thời gian trôi đi... anh em chúng tôi sống như đàn gà con mất mẹ. Ba tôi mất khi tôi còn quá nhỏ và người anh cả lúc đó mới chỉ đủ tuổi trưởng thành. Thời gian ba tôi qua đời chúng tôi sống chung trong gia đình với mẹ. Những năm tháng còn lại của mẹ dường như để đền bù nỗi đau mất cha của tôi. Bây giờ đến lượt mẹ tôi nằm xuống yên nghỉ dưới một tấm mộ bia bằng xi măng sơn trắng ghi vài dòng chữ đơn sơ : “ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Phần Mộ Giáo Thiện Hà Thị Ngân, Sinh Quán Thanh Điền Tây Ninh, Ngày qui vị: 3-9 năm Tân Mùi, Từ Tôn lập mộ” .

Sau khi chương trình “ Kinh tế mới” của chính quyền Cộng sản bị thất bại. Người dân bỏ về thành phố sinh sống. Theo phong trào tôi cũng về lại Sài Gòn. Tôi lại có dịp lên xuống Tây Ninh đến nghĩa trang thường xuyên hơn. Tôi thường chọn ngày nắng ấm để đến thăm mộ cha mẹ tôi. Những lúc ấy, dường như tôi lại được trở về bên cạnh họ, dù chỉ trong ý nghĩ. Sự yên tĩnh nơi đây khiến lòng tôi bình yên hơn. Tôi thường quan sát những người xung quanh cũng đang bận rộn chăm sóc phần mộ của người thân họ và tự hỏi không biết họ đang thương tiếc cho ai? Tôi không hề quen họ nhưng tôi cảm thấy dường như họ và tôi đều là những người thân của nhau.

Một ngày nọ, tôi để ý đến một nấm mộ nằm ngay sau mộ mẹ tôi. Nó nằm khiêm nhường giữa hàng trăm ngôi mộ bia vững chãi ở xung quanh. Và chính sự đơn sơ của nó đã khiến tôi chú ý. Cỏ và hoa mắc cỡ (hoa trinh nữ) phủ kín cả ngôi mộ đến độ nhìn không thể thấy được gì. Và vật trang hoàng duy nhất trên mộ là một tấm mộ bia làm bằng gỗ mộc đơn sơ với những hàng chữ được khắc lọt thỏm vào trong thân bản gỗ ghi tên một người phụ nữ đã hưởng dương 22 tuổi. Mỗi lần đi ngang ngôi mộ này, tôi lại mừng tượng đến những câu chuyện khác về người phụ nữ mất sớm ấy.

Một lần, tôi thấy một người đàn ông lớn tuổi vừa rời ngôi mộ này. Tôi đoán rằng ông ấy đến thăm mộ vợ mình. Vào ngày lễ tảo mộ trong dịp xuân năm 1991, trong khi lo nhang đèn, bánh mứt cúng phần mộ của mẹ tôi, tôi bắt gặp người đàn ông ấy đang chăm sóc ngôi mộ, tôi đã bắt chuyện tự nhiên với ông, hỏi ông về lai lịch ngôi mộ. Và đây là câu chuyện của ông: “Đó là ngôi mộ của mẹ tôi bà mất vì viêm phổi vào năm 1912, khi còn rất trẻ. Lúc đó tôi chỉ mới được một tuổi rưỡi. Thật sự tôi không còn nhớ được khuôn mặt của bà. Chính tôi đã làm cho bà tấm bia gỗ và hàng chữ này. Ngoài ra chẳng ai đến thăm ngôi mộ này, bởi tôi là con một. Rồi cha tôi kết hôn một lần nữa. Mẹ kế tôi chỉ chăm lo cho những đứa con ruột của bà. Tôi luôn đến đây thăm mẹ tôi, dù vui hay buồn. Sau đó, cuộc sống đưa tôi phiêu bạt nhiều nơi, nhưng tôi không bao giờ quên ngôi mộ này. Đối với tôi, nó là một mái ấm gia đình, là “ căn nhà” nơi tôi trở về sau những chuyến đi xa.

“Nhiều năm trôi qua, việc thăm viếng hàng ngày trở nên khó khăn đối với tôi. Thế nhưng, chừng nào chân tôi vẫn còn đi được thì mỗi năm tôi vẫn sẽ đến thăm mẹ tôi ít nhất hai lần. Năm nay tôi đã 80 tuổi, không biết tôi sẽ còn tiếp tục điều này thêm bao lâu nữa”.

Tôi lặng người ngồi nghe ông kể, hai mắt tôi nhòa lệ khi tôi chợt nhận ra rằng mình chưa bao giờ

chứng kiến một tình yêu vô bờ bến đến dường ấy. Tình cảm của tôi còn nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với ông ấy - bởi vì bất kỳ lúc nào tôi cũng có thể tìm đến được những kỷ niệm xưa của cha mẹ tôi; hay xem lại những tấm hình vui buồn thuở trước - đã từng gắn liền tôi với cha mẹ. Còn người đàn ông chân tình này liệu có được một kỷ niệm nào để ấp ủ? Có chăng chỉ là một tấm hình mờ nhạt của mẹ ông ngày trước. Hẳn có một mối dây liên hệ vô hình nào đó rất mạnh mẽ mới khiến ông lui tới viếng thăm ngôi mộ của người phụ nữ xấu số kia- người đã rời bỏ ông quá sớm đến nỗi ông chưa kịp hưởng được chút tình mẹ thiêng liêng, mà thay vào đó là một cảm giác thiếu vắng vô tận, day dứt mãi khôn nguôi.

Tôi vô cùng xúc động biết rằng mình vừa được ban cho một “ món quà tuyệt diệu”. Tôi đã chứng kiến một tấm lòng tận tụy và tình cảm thiêng liêng bền vững, đã gắn bó một người đàn ông bình thường có trái tim cao cả với người mẹ quá cố của ông. Và tôi quyết định sẽ chăm sóc cho cả ngôi mộ ấy những khi đến thăm mộ mẹ tôi.

Tôi đã làm việc này suốt khoảng thời gian khi tôi còn ở Việt Nam. Bây giờ, đã hơn 28 năm sống nơi xứ người xa xôi, tôi đã không còn dịp chăm sóc phần mộ của mẹ tôi cũng như của người đàn bà quá cố kia. Đôi lúc, thoáng chợt nhớ từng đám cỏ và hoa mắc cỡ phủ đầy trên ngôi mộ người đàn bà nọ và những tấm bia trắng với những dòng chữ ghi lại ngày chết trên hai phần mộ của mẹ tôi, tôi cảm thấy xót xa, nhất là mỗi lần khi **mùa Vu Lan hay ngày** Xuân sắp đến. Tôi ước mong có lần nào được trở lại thăm xứ sở trong tự do, để tôi được tự nguyện làm những gì theo ước muốn của mình. Tôi được chăm sóc lại từng ngôi mộ của người thân để bù lại những khoảng thời gian chia xa trống vắng.

Duy Văn

HẾT

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YẾM TRỢ
Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo
www.banthedao.net
www.banthedaohaingoi.org
Liên lạc email:
banthedao@googlegroups.com